

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **02/2025/DS-ST**

Ngày: 04/03/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Tùng Long
2. Bà Lê Thị Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp BN A, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Bà CA Thị A, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp BN A, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt có ủy quyền cho ông H)

2/ Anh Nguyễn Thành Ch, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp BN A, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp BN A, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp BN A, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2024 bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Vào ngày 24/06/2020 bà A cùng con trai là Nguyễn Thành Ch có đến nhà hỏi vay số tiền 100.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, mục đích để làm ăn, khi giao tiền có anh Ch ký nhận nợ, sau đó hai ngày anh Ch có lên lấy thêm 10.000.000đ

không có làm biên nhận, trong tháng đầu tiên bà A có đóng lãi được 5.000.000đ rồi từ đó không trả gốc và lãi. Đến ngày 06/10/2022 bà L có yêu cầu ra Hội đồng hòa giải áp để giải quyết, lúc đó anh Ch thường xuyên đi ghe biển không có nhà nên có bà A tham dự, tại buổi hòa giải bà A thừa nhận trách nhiệm trả nợ và cam kết trả trong 03 tháng nH sau đó vẫn không trả. Đến ngày 12/01/2023 bà A làm giấy tay cam kết đến ngày 12/03/2023 sẽ trả đủ 110.000.000đ, nếu không trả đủ thì tính lãi suất nH đến nay vẫn không thực hiện. Nay bà L yêu cầu bà A cùng chồng là ông H và anh Ch cùng trả số tiền gốc là 110.000.000đ và tính lãi suất từ ngày 24/06/2020 đến ngày 24/02/2020 là 55 tháng theo mức lãi suất là 20%/năm bằng số tiền là 100.833.000đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà CA Thị A là ông Nguyễn Việt H trình bày:* Trước đây (không nhớ năm) bà A có dẫn con trai tên Nguyễn Thành Ch đến nhà bà L hỏi vay số tiền 100.000.000đ, không nhớ lãi suất bao nhiêu, mục đích vay tiền để làm ghe lưới. Còn những vấn đề khác thì ông H không biết gì thêm. Ông H cam kết có trách nhiệm kêu con trai là Nguyễn Thành Ch trả tiền cho bà L.

- *Tại đơn xin vắng mặt ngày 13/02/2025 anh Nguyễn Thành Ch trình bày:* Vào khoảng năm 2020 anh Ch có cùng mẹ ruột là bà CA Thị A đến nhà bà L vay số tiền là 100.000.000đ để làm ghe đi biển nH sau đó làm ăn không được nên không có tiền trả lại cho bà L. Nay tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của bà L nH xin phần lãi suất và xin trả dần hàng tháng là 4.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

- Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm có: 01 Giấy biên nhận nợ ngày 24/06/2020; 01 Giấy nhận nợ ngày 12/01/2023; 01 Biên bản hòa giải cơ sở ngày 06/10/2022.

- Bị đơn bà CA Thị A ủy quyền cho chồng là ông Nguyễn Việt H tham gia tố tụng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên HĐXX căn cứ khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- *Tại phiên tòa:*

Bà L yêu cầu bà A, ông H và anh Ch cùng có trách nhiệm trả số nợ gốc cho bà là 110.000.000đ và số tiền lãi là 100.833.000đ; tổng cộng gốc và lãi là 210.833.000đ. Trong thời gian vay tháng đầu tiên từ ngày 24/6/2020 đến ngày 24/7/2020 bà A có đóng lãi được tháng đầu tiên là 5.000.000đ.

Ông H thừa nhận nội dung như bà L trình bày, nH gia đình ông không có khả năng trả nợ, con trai ông là Ch đứng ra chịu trách nhiệm trả số nợ gốc cho bà L, xin bỏ phần nợ lãi và xin trả dần hàng tháng là 4.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Xin được miễn án phí vì vợ chồng ông đã lớn tuổi, không có thu nhập ổn định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà CA Thị A, ông Nguyễn Việt H và anh Nguyễn Thành Ch trả số tiền gốc 110.000.000 đồng và tính lãi đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật cho bà Nguyễn Thị Kim L.

Xét thấy, anh Ch là người trực tiếp ký nhận nợ nên xác định lại tư cách tham gia tố tụng là bị đơn; ông H là chồng bà A biết rõ việc vay tiền của vợ là bà A với con trai là anh Ch nên đưa vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà L đòi bà A, ông H và anh Ch trả số tiền vay 110.000.000đ và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 24/07/2020 đến ngày 24/02/2025 (tính tròn) là 55 tháng bằng số tiền là 100.833.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 210.833.000đ. Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét về yêu cầu người trả nợ: vào ngày 24/06/2020 bà A, anh Ch có đến nhà bà L mượn 100.000.000đ, ông Ch có ký biên nhận, sau đó hai ngày ông Ch có mượn thêm 10.000.000đ tổng cộng là 110.000.000đ. Đến ngày 06/10/2022 bà L có yêu cầu ra Hội đồng hòa giải để giải quyết thì bà A thừa nhận số nợ 110.000.000đ và cam kết trả trong 03 tháng (anh Ch đi ghe biển nên không có nhà), nH sau đó vẫn không thực hiện. Đến ngày 12/01/2023 bà A tiếp tục làm cam kết trả nợ, nH vẫn không thực hiện. Do đó, bà A, anh Ch có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số nợ đã thiếu theo quy định tại Điều 275 và 288 BLDS 2015. Ông H là chồng bà A cũng có trách nhiệm liên đới đối với trách nhiệm của là bà A theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Xét về số nợ gốc: Tại phiên tòa lời trình bày của bà L được ông H thừa nhận, phù hợp với các chứng khác có trong hồ sơ vụ án nên yêu cầu của bà L đối với số nợ gốc 110.000.00đ là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 465 và Điều 466 BLDS 2015.

- Xét về lãi suất: Hai bên đều thừa nhận số tiền 110.000.000đ là tiền vay, lãi suất bà L cho vay là 5%/tháng nH không ghi vào biên nhận. Ngày phát sinh giao dịch là ngày 24/06/2020 đến ngày 24/07/2020 bà A có đóng lãi được 5.000.000đ của tháng đầu tiên, từ thời điểm đó đến nay không trả gốc và lãi. Nên bà L yêu cầu tính lãi suất từ ngày 24/7/2020 đến ngày 24/02/2025 (tính tròn) theo mức lãi suất 20%/năm bằng số tiền là 100.833.000đ là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà CA Thị A, ông Nguyễn Việt H và anh Nguyễn Thành Ch chịu trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí là

210.833.000đ đồng x 5% = 10.541.000đ (mười triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng). Riêng ông H và bà A thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí toàn bộ cho ông Nguyễn Việt H và bà CA Thị A.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.215.000đ (sáu triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0004232 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 275, Điều 288, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với bà CA Thị A và anh Nguyễn Thành Ch, ông Nguyễn Việt H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà CA Thị A, ông Nguyễn Việt H và anh Nguyễn Thành Ch chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền là **210.833.000đ** (hai trăm mười triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn).

- Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà CA Thị A, ông Nguyễn Việt H và anh Nguyễn Thành Ch chịu trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí là 210.833.000đ đồng x 5% = 10.541.000đ (mười triệu năm trăm bốn mươi một nghìn đồng). Riêng ông H và bà A thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí toàn bộ cho ông Nguyễn Việt H và bà CA Thị A.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.215.000đ (sáu triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu số 0004232 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Phan Văn Tịnh